

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM
Số: 012022/LACHONG-HUONGSEN/2022

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HƯƠNG SEN

Địa chỉ: Số 18, phố Trần Thái Tông, Phường Bồ Xuyên, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam.

Điện thoại: (0227) 3831010

Fax: (0227) 3831231

Email: huy.dt@huongsen.com.vn

Mã số doanh nghiệp: 1000214733

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: Nắp chai rượu bằng nhựa

2. Thành phần: Nhựa polyolefin và nhựa tráng phủ bóng.

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm:

Theo thông lệ quốc tế, 36 tháng kể từ ngày sản xuất

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Chất liệu bao bì: Sản phẩm được đóng gói trong túi nilon, bên ngoài là thùng carton , đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y tế
- Quy cách đóng gói (Khối lượng tịnh): 500 chiếc /carton/ 5.1 kg

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

Nhà sản xuất: **TOP CORK (RUIAN) CO.LTD**

Địa chỉ: First&Second Fl., Sixth Bldg., Light Manufacturing Zone, Yunjiang Standard Workshop No.1999 Songpu Dong Road, Nanbin Street, Feiyun, Ruian, Zhejiang, 325207 China

III. Mẫu nhãn sản phẩm (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm hoặc mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- Quyết định 46/2007/QĐ-BYT: Quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm
- QCVN 12-1:2011/BYT : Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn độc tố vi nấm trong thực phẩm.
- QCVN 12-2:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.
- 46/2007/QĐ-BYT: Quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm.
- 50/2016/TT-BYT: Thông tư quy định giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Thái Bình, ngày 30 tháng 03 năm 2022

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Trần Văn Trà

NHÂN CHÍNH SẢN PHẨM

**HUONG SEN THAI BINH
PLASTIC STOPPER TBE19.8**

MEAS: 58CM*40CM*29CM

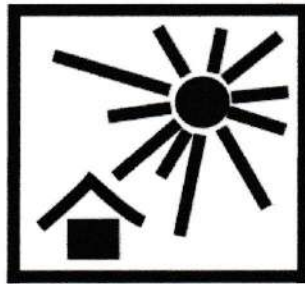
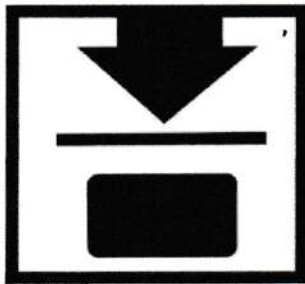
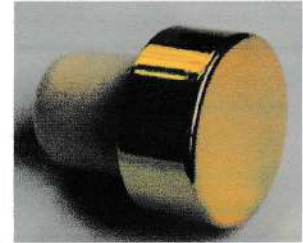
QTY: 500PCS*4BOXES=2000PCS

N.W.: 18.9 KGS

G.W.: 20.4 KGS

C/NO.: 25-1

MADE IN CHINA



D.N: 1000
CÔNG
CỐ P
TẬP Đ
HƯƠNG
T. BÌNH-T.

NHÃN PHỤ SẢN PHẨM

- Tên sản phẩm:** Nắp chai rượu bằng nhựa
- Thành phần:** Nhựa polyolefin và nhựa tráng phủ bóng.
- Định lượng sản phẩm (Khối lượng tịnh):** 500 chiếc /carton/ 5.1 kg
- Ngày sản xuất:** 15/03/2022
- Thời hạn sử dụng:**
Theo thông lệ quốc tế, 36 tháng kể từ ngày sản xuất
- Hướng dẫn sử dụng và bảo quản:**
 - Mục đích sử dụng: Sản phẩm dùng để làm nắp của chai rượu Lạc Hồng.
 - Bảo quản: nơi khô ráo, thoáng mát, hợp vệ sinh, tránh ánh sáng mặt trời trực tiếp.
- Xuất xứ:** Trung Quốc

Nhà sản xuất: **TOP CORK (RUIAN) CO.LTD**

Địa chỉ: 5 Soi Rangsit Nakornnayok 46, Prachatipat, Tanyaburi, Pathumthani, 12130, Thailand

8. Thương nhân nhập khẩu và chịu trách nhiệm về chất lượng hàng hóa:

Thương nhân: **CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HƯƠNG SEN**

Địa chỉ: First&Second Fl., Sixth Bldg., Light Manufacturing Zone, Yunjiang Standard Workshop
No.1999 Songpudong Road, Nanbin Street, Feiyun, Ruian, Zhejiang, 325207 China

Điện thoại: (0227) 3831010

Fax: (0227) 3831231

Email: huy.dt@huongsen.com.vn

Thái Bình, ngày 30 tháng 03 năm 2022

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Trần Văn Trà





BỘ Y TẾ
VIỆN KIỂM NGHIỆM AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM QUỐC GIA
NATIONAL INSTITUTE FOR FOOD CONTROL (NIFC)

Trụ sở chính/ Head Office: 65 Phạm Văn Duật, P. Mai Dịch, Q. Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam
VP1/ Rep. Office 1: Phòng A102, Công B Cảng Cát Lái, số 1295B Nguyễn Thị Định, P. Cát Lái, Q2, TP. HCM, Việt Nam
VP2/ Rep. Office 2: Số 1 Ngô Quyền, P. Đông Hải 1, Q. Hải An, TP. Hải Phòng, Việt Nam
Hotline: 19001065 Email: vkn@nifc.gov.vn Website: http://www.nifc.gov.vn

Số: 6190/PKN-VKNQG

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên mẫu: Nắp nhựa cho chai thủy tinh
2. Mã số mẫu: 03221636/DV.1
3. Mô tả mẫu: Nguyên chiếc.
Số lượng: 9. NSX: Không có - HSD: Không có
4. Số lượng mẫu: 01 mẫu
5. Thời gian lưu mẫu: Không có mẫu lưu
6. Ngày nhận mẫu: 11/03/2022
7. Thời gian thử nghiệm: 11/03/2022 - 22/03/2022
8. Nơi gửi mẫu: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HƯƠNG SEN
Địa chỉ: 18 Trần Thái Tông, Phường Bồ Xuyên, TP. Thái Bình,
Tỉnh Thái Bình
9. Kết quả thử nghiệm: Các chỉ tiêu Hóa lý

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
9.1*	Hàm lượng Cadmi	µg/g	QCVN 12-1:2011/BYT	KPH (LOD: 0,006)
9.2*	Hàm lượng Chì	µg/g	QCVN 12-1:2011/BYT	3,72
9.3	Hàm lượng Arsenic (As) thôi nhiễm trong acid citric 0.5% ở 60 °C trong 30 phút	mg/L	Ref QCVN 12-1:2011/BYT	KPH (LOD: 0,0003)
9.4	Hàm lượng Arsenic (As) thôi nhiễm trong nước ở 60 °C trong 30 phút	mg/L	Ref QCVN 12-1:2011/BYT	KPH (LOD: 0,0003)
9.5	Hàm lượng Cadmi (Cd) thôi nhiễm trong acid citric 0.5% ở 60 °C trong 30 phút	mg/L	Ref QCVN 12-1:2011/BYT	KPH (LOD: 0,0005)
9.6	Hàm lượng Cadmi (Cd) thôi nhiễm trong nước ở 60 °C trong 30 phút	mg/L	Ref QCVN 12-1:2011/BYT	KPH (LOD: 0,0005)
9.7	Hàm lượng Chì (Pb) thôi nhiễm trong acid citric 0.5% ở 60 °C trong 30 phút	mg/L	Ref QCVN 12-1:2011/BYT	KPH (LOD: 0,005)
9.8	Hàm lượng Chì (Pb) thôi nhiễm trong nước ở 60 °C trong 30 phút	mg/L	Ref QCVN 12-1:2011/BYT	KPH (LOD: 0,005)
9.9	Hàm lượng kẽm thôi nhiễm trong acid acetic 4% ở 60 °C trong 30 phút	µg/mL	Ref QCVN 12-2:2011/BYT	KPH (LOD: 0,02)
9.10*	Hàm lượng kim loại nặng thôi nhiễm trong acid acetic 4% ở 60 °C trong 30 phút	µg/mL	QCVN 12-1:2011/BYT	< 1,0



1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thí nghiệm/ This report is only valid for the above sample
2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện Kiểm Nghiệm ATVSTPQG/ This report shall not be reproduced partly without the written approval of NIFC
3. Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Information of sample and customer is written as customer's request
4. (*) Phép thử được công nhận phù hợp theo yêu cầu của ISO/IEC 17025/ Method is accredited in accordance with ISO/IEC 17025
5. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định/ Complaints shall not be resolved in case the storage sample is unavailable or out of storage time.



BỘ Y TẾ
VIỆN KIỂM NGHIỆM AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM QUỐC GIA
NATIONAL INSTITUTE FOR FOOD CONTROL (NIFC)

Trụ sở chính/ Head Office: 65 Phạm Thân Duật, P. Mai Dịch, Q. Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam
VP1/ Rep. Office 1: Phòng A102, Công B Cảng Cát Lái, số 1295B Nguyễn Thị Định, P. Cát Lái, Q2, TP. HCM, Việt Nam
VP2/ Rep. Office 2: Số 1 Ngô Quyền, P. Đông Hải 1, Q. Hải An, TP. Hải Phòng, Việt Nam
Hotline: 19001065 Email: vkn@nifc.gov.vn Website: http://www.nifc.gov.vn

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
9.11*	Hàm lượng cặn khô trong n-heptan ở 25 °C trong 1 giờ	µg/mL	QCVN 12-1:2011/BYT	KPH (LOD: 5)
9.12	Định tính 2-Mercaptoimidazolin	µg/mL	Ref QCVN 12-2:2011/BYT	Âm tính (LOD: 20)
9.13*	Hàm lượng cặn khô trong acid acetic 4% ở 60 °C trong 30 phút	µg/mL	QCVN 12-1:2011/BYT	KPH (LOD: 5)
9.14*	Hàm lượng cặn khô trong ethanol 20% ở 60 °C trong 30 phút	µg/mL	QCVN 12-1:2011/BYT	KPH (LOD: 5)
9.15*	Hàm lượng cặn khô trong nước ở 60 °C trong 30 phút	µg/mL	QCVN 12-1:2011/BYT	KPH (LOD: 5)
9.16*	Hàm lượng Epichlorohydrin thôi nhiễm trong pentan ở 25 °C trong 2 giờ	µg/mL	QCVN 12-3:2011/BYT	KPH (LOD: 0,03)
9.17*	Hàm lượng Vinylchlorid thôi nhiễm trong ethanol 20% không quá 5 °C trong 24 giờ	µg/mL	QCVN 12-1:2011/BYT	KPH (LOD: 0,03)
9.18*	Thôi nhiễm Formaldehyd trong nước ở 60°C trong 30 phút	µg/mL	QCVN 12-1:2011/BYT	KPH (LOD: 0,3)
9.19*	Thôi nhiễm Phenol trong nước ở 60 °C trong 30 phút	µg/mL	QCVN 12-1:2011/BYT	KPH (LOD: 0,3)

Ghi chú: KPH - Không phát hiện (nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp thử-LOD)

Hà Nội, ngày 22 tháng 03 năm 2022

TUQ.VIỆN TRƯỞNG
TRƯỞNG KHOA ĐBCL



TS. Lê Thị Phương Thảo

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thí nghiệm/ This report is only valid for the above sample
2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện Kiểm Nghiệm ATVSTPQG/ This report shall not be reproduced partly without the written approval of NIFC
3. Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Information of sample and customer is written as customer's request
4. (*) Phép thử được công nhận phù hợp theo yêu cầu của ISO/IEC 17025/ Method is accredited in accordance with ISO/IEC 17025
5. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định/ Complaints shall not be resolved in case the storage sample is unavailable or out of storage time.